

Số: /ĐHCN-ĐT

Hà Nội, Ngày tháng năm 2023

## THÔNG BÁO

### Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL và xét tuyển bằng chứng chỉ quốc tế vào đại học chính quy năm 2023 Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 đã được phê duyệt ngày 12/05/2023, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN thông báo xét tuyển thẳng (XTT), ưu tiên xét tuyển (UTXT), xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) và xét tuyển bằng các chứng chỉ quốc tế vào đại học chính quy năm 2023, cụ thể như sau:

#### I. Các ngành/chương trình đào tạo tuyển sinh

STT	Tên ngành/ chương trình đào tạo	Bằng tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Mã tuyển sinh	Chỉ tiêu						Học phí năm học 2023-2024 (đồng)
					XTT	DB DT	UT XT	CC QT	IELTS	ĐG NL	
1	Công nghệ thông tin	Cử nhân	4 năm	CN1	32	2	32	6	27	45	28,500,000
2	Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản	Cử nhân	4 năm	CN16	5	1	12	3	9	15	
3	Kỹ thuật máy tính	Kỹ sư	4,5 năm	CN2	10	1	22	3	18	30	
4	Vật lý kỹ thuật	Cử nhân	4 năm	CN3	2	2	2	2	2	20	
5	Kỹ thuật năng lượng	Kỹ sư	4,5 năm	CN13	2	2	2	2	2	15	
6	Cơ kỹ thuật	Kỹ sư	4,5 năm	CN4	1	1	1	1	1	20	
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ sư	4,5 năm	CN11	2	1	8	2	3	20	
8	Công nghệ hàng không vũ trụ	Kỹ sư	4,5 năm	CN7	2	1	2	2	3	27	
9	Kỹ thuật Robot	Kỹ sư	4,5 năm	CN17	1	1	5	3	9	15	
10	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Kỹ sư	4,5 năm	CN5	4	0	4	0	4	38	

STT	Tên ngành/ chương trình đào tạo	Bằng tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Mã tuyển sinh	Chỉ tiêu						Học phí năm học 2023-2024 (đồng)
					XTT	DB DT	UT XT	CC QT	IELTS	ĐG NL	
11	Công nghệ nông nghiệp	Kỹ sư	4,5 năm	CN10	1	1	1	1	1	20	35,000,000
12	Trí tuệ nhân tạo	Cử nhân	4 năm	CN12	22	1	26	3	7	32	
13	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử*	Cử nhân	4 năm	CN6	2	2	2	2	6	36	
14	Khoa học máy tính*	Cử nhân	4 năm	CN8	39	3	56	14	42	70	
15	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông*	Cử nhân	4 năm	CN9	6	2	8	8	30	36	
16	Hệ thống thông tin*	Cử nhân	4 năm	CN14	3	1	9	3	9	14	
17	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu*	Kỹ sư	4,5 năm	CN15	3	1	9	3	9	14	

### **Ghi chú:**

- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở phương thức còn nguồn tuyển. Bên cạnh các phương thức tuyển sinh trên, Trường Đại học Công nghệ còn dành hơn 42% chỉ tiêu để xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2023 vào tất cả các ngành đào tạo hiện hành (chi tiết sẽ được Nhà trường thông báo sau).

- Các chương trình đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 học tập năm thứ nhất tại Cơ sở Hoà Lạc.

- Sinh viên nhập học vào các ngành đào tạo sau sẽ được cấp học bổng thu hút:

❖ CN10: 30% mức học phí của năm học tương ứng.

❖ CN5, CN7: 15% mức học phí của năm học tương ứng.

Lộ trình tăng học phí hàng năm theo quy định của Nhà nước.

- (\*) Các chương trình đào tạo vận hành theo định mức kinh tế kỹ thuật và có yếu tố nâng cao về số tín chỉ, tăng cường tiếng Anh, hoạt động nghiên cứu khoa học, thực tập, thực tế và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo tương ứng.

## **II. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

### **1. Nhóm đối tượng 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT**

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng và tốt

ng nghiệp THPT năm 2023 được xét tuyển thẳng vào bậc đại học theo ngành phù hợp với môn thi (Phụ lục 1) hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

## **2. Nhóm đối tượng 2: Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN**

Thí sinh là học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường THPT trọng điểm quốc gia được **xét tuyển thẳng** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi (Phụ lục 1) hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đoạt giải nếu tốt nghiệp THPT năm 2023, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- 2.1. Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- 2.2. Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- 2.3. Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế.

## **3. Nhóm đối tượng 3: Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT**

3.1. Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia tốt nghiệp THPT năm 2023 được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi (Phụ lục 1) hoặc đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

3.2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Vật lý, Hóa học, Sinh học; Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia tốt nghiệp THPT năm 2023, không dùng quyền xét tuyển thẳng được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học;

## **4. Nhóm đối tượng 4: Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN**

4.1. Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc tốt nghiệp THPT năm 2023, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi mà thí sinh đạt giải (Phụ lục 1);
- b) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi mà thí sinh đạt giải (Phụ lục 1).

c) Là thành viên tham gia cuộc thi thảng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8,5 trở lên được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học;

4.2. Thí sinh là học sinh hệ không chuyên của các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN tốt nghiệp THPT năm 2023, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi mà thí sinh đạt giải (Phụ lục 1);

b) Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi (Phụ lục 1) hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đạt giải;

c) Có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 90 điểm (thang 150), được **ưu tiên xét tuyển** vào đại học.

*Các thí sinh diện **ưu tiên xét tuyển** phải có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo trong năm tuyển sinh. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm thi THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển.*

## 5. Nguyên tắc ưu tiên

- Ưu tiên 1 (theo nhóm đối tượng): Nhóm đối tượng 1 là nhóm đối tượng ưu tiên cao nhất, lần lượt đến nhóm đối tượng 4.

- Ưu tiên 2 (theo thứ tự giải): Từ Nhất → Nhì → Ba.

- Ưu tiên 3: Điểm trung bình chung học tập bậc THPT.

Lưu ý: Riêng các ngành CN1, CN8, CN12, CN14, CN15, CN16 nhóm ưu tiên xét tuyển ưu tiên theo thứ tự như sau: nhóm đối tượng 3.1 (môn Tin học) → nhóm đối tượng 3.2 (giải nhất, nhì môn Lý) → nhóm đối tượng 4.1 (môn Tin học) → nhóm đối tượng 4.2 (môn Tin học) → các đối tượng còn lại.

## 6. Xét tuyển thí sinh diện dự bị đại học

Thí sinh là học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị của các trường dự bị đại học, tốt nghiệp năm 2022 được xét tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (là tổng điểm thi THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển năm 2022) của ngành tương ứng năm 2022, Nhà trường xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp theo điểm thi THPT năm 2022 cho đến hết chỉ tiêu được phân bổ.

## III. Xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL và các chứng chỉ quốc tế

### 1. Ngưỡng đầu vào theo các phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển dựa theo kết quả thi Đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức: Đối với các ngành CN1, CN2, CN8, CN9, CN11, CN12, CN14, CN15, CN16, CN17 từ 90/150 điểm trở lên; các ngành còn lại từ 80/150 điểm trở lên.

- b) Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế:  
 + SAT: 1100/1600 điểm trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi** (thí sinh cần khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT).  
 + A-Level: mức điểm mỗi môn của 3 môn thi Toán, Lý, Hóa đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range  $\geq 60$ ).  
 + ACT: 22/36 trở lên.
- c) Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên và có tổng điểm 2 môn thi Toán và Vật lý đạt tối thiểu 14 điểm trong kỳ thi THPT năm 2023.

**Bảng 5. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10**

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5.5	72-78	8.50
2	6.0	79-87	9.00
3	6.5	88-95	9.25
4	7.0	96-101	9.50
5	7.5	102-109	9.75
6	8.0-9.0	110-120	10.00

*Các chứng chỉ quốc tế, chứng nhận kết quả thi ĐGNL phải còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).*

## 2. Cách tính điểm xét tuyển (ĐX)

### a) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL(HSA) do ĐHQGHN tổ chức

$\text{ĐX} = (\text{Tư duy định lượng} \times 2 + \text{Tư duy định tính} + \text{Điểm Khoa học}) \times 30/200 + \text{Điểm UT (ĐT, KV)}$

### b) Cách tính điểm xét tuyển theo các chứng chỉ quốc tế

- SAT:  $\text{ĐX} = \text{điểm SAT} \times 30/1600 + \text{Điểm UT (ĐT, KV)}$

- A-Level:  $\text{ĐX} = (\text{Toán} + \text{Lý} + \text{Hóa})/10 + \text{Điểm UT (ĐT, KV)}$

- ACT:  $\text{ĐX} = \text{điểm ACT} \times 30/36 + \text{Điểm UT (ĐT, KV)}$

### c) Cách tính điểm xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS/TOEFL iBT)

$\text{ĐX} = \text{Điểm Tiếng Anh đã quy đổi} + \text{Điểm Toán} + \text{Điểm Lý} + \text{Điểm UT (ĐT, KV)}$

### Lưu ý:

- ĐX được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào các ngành tuyển sinh năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ được công bố theo thang điểm 30.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang tổng điểm tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

**Điểm UT = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ**

### **3. Nguyên tắc xét tuyển**

- Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành/chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở phương thức còn nguồn tuyển.

- Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu ngành, các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách sẽ được xét trúng tuyển theo điều kiện phụ như sau:

+ Theo phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: điều kiện phụ được xét lần lượt là ưu tiên thí sinh có điểm môn Toán ở kỳ thi tốt nghiệp THPT cao hơn, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

+ Theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi ĐGNL: điều kiện phụ được xét lần lượt là ưu tiên thí sinh có điểm phần tư duy định lượng cao hơn, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

## **IV. Đăng ký xét tuyển**

### **1. Hồ sơ đăng ký**

- Mỗi phương thức thí sinh được đăng ký không giới hạn số nguyện vọng, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

- Đăng ký online tại website: <http://tuyensinh.uet.vnu.edu.vn>. (**Mục Xét tuyển & nhập học → Đăng ký xét tuyển**)

### **2. Lệ phí đăng ký: 30.000đ/phương thức.**

Thông tin chuyển tiền qua tài khoản:

+ Tên tài khoản: Trường Đại học Công nghệ – ĐHQGHN

+ Số TK: **21510001973669** tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội

+Nội dung chuyển khoản: Họ tên thí sinh\_số CCCD\_XT ĐH 2023.

### **3. Thời hạn đăng ký:**

Thí sinh nộp hồ sơ từ ngày **12/06/2023** đến hết ngày **30/06/2023**.

### **4. Thông báo trúng tuyển**

Kết quả được đăng tải trên website: <http://tuyensinh.uet.vnu.edu.vn>.

### **5. Thông tin liên hệ:**

**Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN**

**Địa chỉ:** Phòng 107, Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

**Điện thoại:** 024.3754 7865, 0334.924.224

**E-mail:** TuyensinhDHCN@vnu.edu.vn

**Website:** <https://uet.vnu.edu.vn/>

## **6. Lưu ý:**

Thông tin chi tiết về kỳ tuyển sinh có trong Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ.

Trân trọng thông báo./.

### ***Nơi nhận:***

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh;
- BGH (để b/c);
- Ban chỉ đạo TSDH;
- Lưu: VT, ĐT, VT10.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Chữ Đức Trình**

**PHỤ LỤC 1:**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
PHÙ HỢP VỚI MÔN THI HỌC SINH GIỎI CỦA THÍ SINH**  
(Kèm theo thông báo số /DHCN-ĐT ngày tháng năm 2023 của  
Trường Đại học Công nghệ)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Tin học, Toán	Công nghệ thông tin	7480201
		Kỹ thuật máy tính	7480106
		Kỹ thuật Robot	7520217
		Kỹ thuật năng lượng	7520406
		Vật lý kỹ thuật	7520401
		Cơ kỹ thuật	7520101
		Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103
		Công nghệ Hàng không vũ trụ	7519001
		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
		Công nghệ nông nghiệp	7519002
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
		Khoa học Máy tính	7480101
		Hệ thống thông tin	7480104
		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
		Trí tuệ nhân tạo	7480207
		Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
2	Vật lí	Vật lý kỹ thuật	7520401
		Kỹ thuật máy tính	7480106
		Kỹ thuật Robot	7520217
		Kỹ thuật năng lượng	7520406
		Cơ kỹ thuật	7520101
		Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103
		Công nghệ Hàng không vũ trụ	7519001
		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
		Công nghệ nông nghiệp	7519002
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
		Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
		3	Hóa học
Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103		
Kỹ thuật năng lượng	7520406		
4	Sinh học	Công nghệ nông nghiệp	7519002



Số: /ĐHCN-ĐT

V/v: Báo cáo mức điểm nhận đăng ký xét tuyển  
vào ĐHCQ năm 2022

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội  
(Qua Ban Đào tạo)

Trường Đại học Công nghệ trân trọng báo cáo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2022 đối với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào đại học chính quy) của Nhà trường như sau:

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chương trình đào tạo	Mức điểm nhận ĐKXT (theo thang điểm 30)	Tổ hợp xét tuyển
<b>I</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN</b>			
1.	CN1	Công nghệ thông tin	22	- Toán, Lý, Hóa (A00) - Toán, Anh, Lý (A01) - Toán, Văn, Anh (D01) (Toán, Anh hệ số 2)
2.	CN2	Kỹ thuật máy tính		
3.	CN11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
4.	CN12	Trí tuệ nhân tạo		
5.	CN16	Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản		
6.	CN17	Kỹ thuật Robot	20	
7.	CN3	Vật lý kỹ thuật		
8.	CN13	Kỹ thuật năng lượng		
9.	CN4	Cơ kỹ thuật		
10.	CN5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng		
11.	CN7	Công nghệ Hàng không vũ trụ		
12.	CN10	Công nghệ nông nghiệp	- Toán, Lý, Hóa (A00) - Toán, Anh, Lý (A01) - Toán, Lý, Sinh (A02) - Toán, Hóa, Sinh (B00)	

<b>STT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên ngành/ chương trình đào tạo</b>	<b>Mức điểm nhận ĐKXT (theo thang điểm 30)</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển</b>
<b>II CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO</b>				
13.	<b>CN6</b>	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	<b>22</b>	- Toán, Lý, Hóa (A00) (Toán, Lý hệ số 2) - Toán, Anh, Lý (A01) (Toán, Anh hệ số 2) - Toán, Văn, Anh (D01) (Toán, Anh hệ số 2)
14.	<b>CN8</b>	Khoa học Máy tính		
15.	<b>CN9</b>	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		
16.	<b>CN14</b>	Hệ thống thông tin		
17.	<b>CN15</b>	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		

Trân trọng đề nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐT, VT.6.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Việt Hà**